

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 340/2022/HC-PT

Ngày: 13 - 5 - 2022

V/v: Khiếu kiện quyết định áp dụng  
biện pháp khắc phục hậu quả.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Mười

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2021/TLPT-HC ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 15/2021/HC-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2595/2021/QĐ - PT ngày 15 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 11, Khu phố 1, Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Miên L, sinh năm 1945 (có mặt)

Địa chỉ: Số 244/4 N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**- Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 89 L, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.



*Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Ông Huỳnh Anh T3 – Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vũng Tàu (xin xét xử vắng mặt).

*- Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Huy T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 14-10-2020, Công chức địa chính Phường 12 lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Huy T có hành vi chiếm đất kênh rạch thuộc nhóm đất phi nông nghiệp do Nhà nước quản lý tại Tổ dân phố 11, Khu phố 1, Phường 12, diện tích chiếm 4.158,8m<sup>2</sup>. Cùng ngày 14-10-2020, Công chức địa chính - xây dựng Phường 12 lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Huy T có hành vi xây dựng công trình xây không có giấy phép xây dựng tại thửa đất số 06, tờ bản đồ 84, thửa đất số 37, tờ bản đồ 80 Khu phố 1, Phường 12, thành phố V. Ngày 03-11-2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 5555/QĐ-KPHQ (Quyết định số 5555) áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông T tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại đất đã chiếm.

Không đồng ý, ngày 18-11-2020 ông T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuyên hủy Quyết định số 5555 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Ngày 05-3-2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 1420/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 26-3-2021, ông T có đơn bỏ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 1420/QĐ-CCXP ngày 05-3-2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

*- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện hợp pháp trình bày:*

Năm 1997 ông T vào Vũng Tàu sinh sống, có khai hoang diện tích đất 7334,4m<sup>2</sup> tại Phường 12 thành phố V. Năm 1998 ông T có dựng nhà tạm trên đất để trồng tràm, dừa, chăn nuôi gà vịt, đào ao thả cá. Khi nhà bị sập ông lại làm thuê mướn cho các nhà xung quanh và dựng nhà mới. Việc sử dụng đất của ông T là ổn định, liên tục, không bị ai ngăn cản, tranh chấp, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai 2013.

Quá trình sử dụng đất ông T không kê khai, đăng ký với chính quyền địa phương do thiếu hiểu biết, ông T cũng không nộp thuế sử dụng đất do khu vực này là vùng sâu, vùng xa của thành phố Vũng Tàu giai đoạn Nhà nước miễn thu thuế đất nông nghiệp. Năm 2014 ông T có làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có biên nhận và không được giải quyết. .



Tháng 4-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có chủ trương giao hơn 34ha đất cho Công ty Đ để thực hiện dự án khu nhà ở V1. Ủy ban nhân dân Phường 12 nhiều lần làm việc đề nghị trả lại đất cho Nhà nước nhưng ông T không đồng ý.

Cho rằng ông T vi phạm quy định về xây dựng và lấn chiếm đất Nhà nước, ngày 03-11-2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 5555/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông T tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại đất đã chiếm.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V áp dụng khoản 1 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 để ban hành Quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 03-11-2020 là không phù hợp thời điểm ông T khai hoang, làm nhà ở trên đất là từ năm 1998.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 5555/QĐ-KPHQ ngày 03-11-2020, hủy Quyết định số 1420/QĐ-CCXP ngày 05-3-2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

*- Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

### **1. Về nguồn gốc đất.**

Căn cứ hồ sơ địa chính năm 1993 và năm 2002 tại Phường 12, thành phố V thì diện tích đất ông T đang sử dụng thuộc tờ bản đồ 40 (mới 80) thuộc thửa 37+ 39 (bản đồ năm 1993 không có số thửa), thể hiện là Kênh mương nước do Nhà nước quản lý. Vị trí thửa đất tiếp giáp với các thửa: Thửa số 179 cũ (người kê khai bà Nguyễn Thị Hương X), thửa số 178 cũ (người kê khai bà Phạm Thị O) và thửa số 184 cũ (người kê khai là ông Trần Văn V2) thuộc tờ bản đồ số 40, Phường 12. Theo Sơ đồ vị trí do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố lập ngày 17-7-2020 (ông Nguyễn Huy T là người chỉ ranh) thì diện tích là 7334.1m<sup>2</sup> thuộc một phần các thửa: Thửa 70, 66, 40, 68, 42, 48, 37 tờ bản đồ số 80 (mới) và một phần thửa số 23 tờ bản đồ số 81 (mới) và một phần thửa số 6 tờ bản đồ số 84(mới). Trong phần diện tích đất ông Nguyễn Huy T chỉ ranh có phần diện tích 3.175,3m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân khác (là các thửa: thửa 70, 66, 40, 68, 42, 48 và 23). Phần diện tích đất còn lại là 4158,8 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 06 tờ bản đồ số 84 (mới) và thửa số 37 tờ bản đồ số 80 (mới), thuộc đất Nhà nước quản lý.

### **2. Quá trình xác lập, sử dụng đất đai.**

Ngày 17-9-2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Văn bản số 6370/UBND-VP về dự án Khu nhà ở cao cấp V1 tại Phường 12, thành phố V, với nội dung: “Chấp thuận chủ trương để Công ty Cổ phần đầu tư Bất động sản Đ1 nghiên cứu, khảo sát lập các thủ tục đầu tư xây dựng dự án Khu nhà ở cao cấp V1 tại Phường 12, thành phố V đúng theo các quy định hiện hành. Chủ đầu tư phải thực hiện đầu tư các hạng mục công trình trong dự án đang theo



quy hoạch chi tiết 1/500 trục 51 B – C và quy hoạch sử dụng đất trong khu vực. Khi triển khai dự án chủ đầu tư phải thỏa thuận nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất hợp pháp của các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân trong khu vực dự án theo quy định của pháp luật đất đai”.

Ngày 17-5-2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 17-5-2019 về chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đ1 làm chủ đầu tư dự án Khu nhà ở cao cấp V1 (với tổng diện tích 255.701,5m).

Từ đó đến nay, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đ1 đã thực hiện triển khai dự án chủ đầu tư phải thỏa thuận nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất trong khu vực dự án theo quy định của pháp luật đất đai đối với các tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất hợp pháp.

- Trong Khu nhà ở cao cấp V1, ông T đang sử dụng phần diện tích 7000m<sup>2</sup> (theo đơn của ông T cho rằng là đất khai phá từ năm 1997, có tài liệu ông T cung cấp ghi khai phá năm 1991 và năm 1998). Hiện trạng có đào ao nuôi cá, hiện có xây dựng 02 căn nhà cấp 4. Ông T cung cấp các loại giấy tờ gồm: Bản phôi tô Sơ đồ vị trí thửa đất (do ông T tự thuê đo đạc) thể hiện dịch tích 7010,5m<sup>2</sup>; Giấy tạm trú có thời hạn do Công an Phường 12 xác nhận ngày 25-4-2004 ghi nơi đăng ký tạm trú là số nhà 169/19 Đ, Phường 12; Hợp đồng cung cấp và tiêu thụ nước vấy lập ngày 03-6-2004 bên tiêu thụ là ông Nguyễn Huy T ghi địa chỉ 169/19 Đ và người đại diện ký hợp đồng là ông Nguyễn Ngọc Tuyên.

### **3. Quá trình lấn, chiếm đất của ông Nguyễn Huy T.**

- Theo Báo cáo số 1173/BC-UBND ngày 27-7-2020 của Ủy ban nhân dân Phường 12 xác minh quá trình lấn, chiếm đất của ông T: “Khoảng tháng 8-2012, ông T có ở nhờ gia đình ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị V3 sinh năm 1977; đến ngày 26-12-2012 thì nhập nhờ đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 34/33 đường B, Phường 11, thành phố V. Từ tháng 01 năm 2013 đến nay, ông T không còn thực tế cư trú tại nhà ông H – bà V3 nhưng vẫn giữ đăng ký hộ khẩu thường trú tại đây. Ngày 23-7-2020, Công an Phường 12 có văn bản trả lời xác minh cho biết ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1956 có thực tế sinh sống tại khu vực đất Kênh rạch do Nhà nước (nay thuộc dự án V1, Phường 12, thành phố V) từ khoảng năm 2008 cho đến nay nhưng không đăng ký thường trú, tạm trú hay lưu trú tại thửa đất kênh rạch Nhà nước nơi ông T đang sử dụng”.

- Về địa chỉ số 169/19 Đ, Phường 12 ghi trên Giấy tạm trú có thời hạn và hợp đồng cung cấp và tiêu thụ nước máy do ông T cung cấp: Qua xác minh của Ủy ban nhân dân Phường 12 tại Báo cáo số 1250/UBND-ĐC ngày 10-8-2020 thì địa chỉ số 169/19 Đ, Phường 12 nằm trên thửa đất của ông Nguyễn Huy T1, hiện nay là mặt tiền đường 3/2, kế đất nhà ông Trần Tiến T2 (169/17 Đ. Địa chỉ số



169/19 Đ không phải là địa chỉ có từ năm 2003 trên thửa đất ông Nguyễn Huy T đang ở.

- Tại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 16-7-2020 do Tổ dân phố 11, Khu phố 1, Phường 12 đã xác định: “Ông Nguyễn Huy T về sinh sống tại Tổ 11 từ tháng 10-1998 đến năm 2006 ở trên đất của ông T1. Từ năm 2006 đến 2008 ông T đi đâu thì không ai biết, khoảng năm 2008 đến 2010 ông T có về xây dựng nhà ở tại vị trí hiện nay, trước đây là kênh thoát nước của Nhà nước. Khi ông T quay lại nhưng không ở trên phần đất của Ông T1 mà xây dựng nhà sinh sống trên phần đất kênh mương Nhà nước (lý do, căn nhà trên đất ông T1 đã bị đổ do bão cuối năm 2006); Thời gian xây dựng nhà trên đất từ năm 2008 đến 2010”.

#### **4. Quan điểm, ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu đối với yêu cầu của người khởi kiện:**

- Theo hồ sơ, tài liệu và đơn trình bày của ông Nguyễn Huy T về thời điểm xác định thời điểm sử dụng đất là không thống nhất về thời gian (có đơn trình bày khai phá năm 1991, 1997 và năm 1998). Mặt khác tại Biên bản vận động lần 1 ngày 23-4-2020 của Ủy ban nhân dân Phường 12, ông T cũng thừa nhận là đang ở trên đất Nhà nước.

- Diện tích thửa đất theo sơ đồ vị trí thửa đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vũng Tàu lập ngày 17-7-2020, ông Nguyễn Huy T lấn, chiếm sang đất của các hộ dân khác đã được cấp giấy là 3.175,3m<sup>2</sup>. Phần còn lại nằm trong kênh rạch là đất do Nhà nước quản lý. Các giấy tờ ông T cung cấp không chứng minh việc sử dụng đất ổn định theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

- Thời điểm lấn chiếm đất sau ngày 01-7-2004 vì vậy không thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 và cũng không thuộc trường hợp phải thỏa thuận về giá đền bù theo quy định tại Điều 73 Luật Đất đai năm 2013 khi thu hồi đất.

- Đối với phần diện tích đất 7334,1m<sup>2</sup> (theo chỉ ranh của ông T) bao gồm: phần diện tích đất ông Nguyễn Huy T lấn chiếm của các hộ dân khác (3.175,3m<sup>2</sup>) và phần diện tích còn lại (4158,8 m<sup>2</sup>) nằm trong phần đất công thổ (đất kênh rạch, mương nước), đây là phần đất nằm trong diện tích 31.380,05m<sup>2</sup> đất xen kẹt do Nhà nước quản lý thuộc dự án Khu nhà ở cao cấp V1 (255.701,5m<sup>2</sup>).

Đối với phần đất xen kẹt này (31.380,05m<sup>2</sup>), Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã có văn bản xin ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường và được Bộ Tài nguyên và Môi trường trả lời tại Văn bản số 3968/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 16/8/2019 cụ thể như sau: “Nhà nước thu hồi theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 16 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ”.

- Ủy ban nhân dân Phường 12 và các cơ quan liên quan tổ chức vận động, thuyết phục nhưng ông Nguyễn Huy T không tự nguyện trả lại đất đã lấn chiếm.



Mặt khác, ông T cũng không cung cấp được bất kỳ các tài liệu, giấy tờ nào theo quy định của Luật đất đai để chứng minh việc sử dụng đất ổn định, không tranh chấp và sử dụng trước ngày 01-7-2004.

- Trường hợp của ông T, căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 19-12-2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc hành vi chiếm đất; Do vậy, Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 5555/QĐ-UBND ngày 03-11-2020 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc trả lại đất đã chiếm là đúng quy định của pháp luật.

Từ những dẫn chứng trên, Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy T.

*Tại bản án hành chính sơ thẩm 15/2021/HC-ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:*

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy T yêu cầu hủy Quyết định số 5555/QĐ-KPHQ ngày 03-11-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V; hủy Quyết định số 1420/QĐ-CCXP ngày 05-3 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24-4-2021 người khởi kiện ông Nguyễn Huy T kháng cáo T1 bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T1 bộ yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện xin xét xử vắng mặt.

Trong phần tranh luận:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Phần đất ông T quản lý, sử dụng phù hợp với quy định của Luật đất đai qua các thời kỳ (1987, 1993 và 2013). Việc xây dựng nhà ở tại vùng sâu vùng xa không phải xin phép, vì xây dựng ở giữa rừng không ảnh hưởng đến người khác. Ông T không vi phạm hành chính. Biên bản vi phạm hành chính người dân không hiểu biết, ít văn hóa, đánh máy sẵn rồi yêu cầu người dân ký vào nên không khách quan và công bằng cho người dân. Người bị kiện áp dụng văn bản pháp luật ban hành năm 2007 xử lý vụ việc xảy ra năm 1997 là không phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện của ông T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.



Về nội dung: Ông T cho rằng đây đất hoang, đất rừng nên khi xây dựng nhà không phải xin phép cơ quan có thẩm quyền là không đúng. Mặc dù đất khai hoang nhưng việc sử dụng phải tuân thủ quy định pháp luật, ông T đã xây nhà không phép, không có đồng ý của chính quyền xã, phường. Do đó người bị kiện lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định tháo dỡ là đúng quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, ông T kháng cáo không có tình tiết mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng hành chính, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án.

#### **[2] Về nội dung:**

Căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Huy T do Ủy ban nhân dân Phường 12, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lập ngày 14-10-2020, ngày 03-11-2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định 5555/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông T phải tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại đất đã chiếm đối với thửa 06, tờ bản đồ 84; thửa số 37 tờ bản đồ 80 tại Khu phố 1, Phường 12, thành phố V. Ngày 05/3/2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định 1420/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ông T cho rằng Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành các Quyết định 5555/QĐ-KPHQ và 1420/QĐ-CCXP là không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông nên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định trên.

Người bị kiện cho rằng quyết định hành chính bị kiện được ban hành đúng quy định pháp luật, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

#### **[3] Xét kháng cáo của người khởi kiện:**

[3.1] Ngày 14-10-2020 cán bộ địa chính Phường 12 lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Huy T về hành vi chiếm đất kênh rạch thuộc nhóm đất phi nông nghiệp do Nhà nước quản lý, thời điểm chiếm năm 2008 đến 2010, diện tích 4.158,8m<sup>2</sup>. Cùng ngày 14-10-2020 cán bộ địa chính – xây dựng Phường 12 lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Huy T về hành



vi xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng. Do hết thời hiệu xử phạt, ngày 03-11-2020 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 5555/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông T tháo dỡ công trình xây dựng trên đất, khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại đất đã chiếm là đúng pháp luật về trình tự, thủ tục quy định tại Điều 6, Điều 58, Điều 65 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[3.2] Xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

- Hồ sơ địa chính năm 1993 và năm 2002 tại Phường 12, thành phố V thể hiện: Diện tích đất ông T đang sử dụng thuộc tờ bản đồ 40 (mới 80) thuộc thửa 37 + 39 (bản đồ năm 1993 không có số thửa), là Kênh mương nước do Nhà nước quản lý.

- Theo Sơ đồ vị trí do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố lập ngày 17-7-2020 (ông Nguyễn Huy T là người chỉ ranh) thì diện tích là 7.334.1m<sup>2</sup> thuộc một phần các thửa: Thửa 70, 66, 40, 68, 42, 48, 37 tờ bản đồ số 80 (mới) và một phần thửa số 23 tờ bản đồ số 81 (mới) và một phần thửa số 6 tờ bản đồ số 84 (mới). Trong phần diện tích đất ông Nguyễn Huy T chỉ ranh có phần diện tích 3.175,3m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân khác là các thửa 70, 66, 40, 68, 42, 48 và 23). Phần diện tích đất còn lại là 4.158,8m<sup>2</sup> thuộc thửa số 06 tờ bản đồ số 84 (mới) và thửa số 37 tờ bản đồ số 80 (mới), thuộc đất Nhà nước quản lý.

- Tại Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 16-7-2020 của Tổ dân phố 11, Khu phố 1, Phường 12 đã xác định: Ông Nguyễn Huy T về sinh sống tại Tổ từ tháng 10-1998 đến năm 2006 ở trên đất của ông T1. Từ năm 2006 đến 2008 ông T đi đâu thì không ai biết, khoảng năm 2008 đến 2010 ông T có về xây dựng nhà tạm ở tại vị trí hiện nay, trước đây là kênh thoát nước của Nhà nước. Thời gian xây dựng nhà trên đất từ năm 2008 đến 2010.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trên có cơ sở xác định phần đất ông T đang sử dụng là kênh thoát nước do Nhà nước quản lý. Do ông T đã có hành vi xây dựng nhà không có giấy phép trong thời gian từ năm 2008 đến năm 2010, nên Ủy ban nhân dân Phường 12 lập biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định 5555/QĐ-KPHQ buộc ông T tháo dỡ công trình, trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính; điểm c khoản 4, khoản 5 Điều 14; khoản 7 Điều 14 Nghị định 91/2014/NĐ-CP; khoản 1, điểm a khoản 5, khoản 11 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc đề nghị hủy Quyết định 5555/QĐ-KPHQ ngày 03-11-2020 là có căn cứ.

[3.3] Do ông Nguyễn Huy T không tự nguyện chấp hành quyết định khắc phục hậu quả, ngày 05-3-2021 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 1420/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là phù hợp pháp luật quy định tại Điều 86, 87 Luật xử lý vi phạm hành chính.



[3.4] Ông T kháng cáo cho rằng nguồn gốc phần đất trên là do ông khai hoang từ năm 1997, và sử dụng ổn định cho đến nay; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V áp dụng quy định tại Nghị định 139/2017/NĐ-CP khi xử lý vụ việc của ông là áp dụng pháp luật không đúng, vì ông đã sử dụng đất từ năm 1997 (thời điểm này Nghị định 139/2017/NĐ-CP chưa được ban hành). Xét, theo phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 16-7-2020 thì từ năm 1998-2006 ông T ở trên đất của ông T1, nên lời trình bày của ông T cho rằng đã sử dụng đất từ năm 1998 là không có căn cứ. Mặt khác, hồ sơ địa chính năm 1993 đã thể hiện phần đất trên do Nhà nước quản lý. Như vậy thời điểm ông T bắt đầu sử dụng đất vào năm 1997 – 1998 (nếu có) thì phần đất trên đã được xác định là đất do Nhà nước quản lý. Ngày 14-12-2020 Ủy ban nhân dân Phường 12 lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông T, thì Nghị định 139/2017/NĐ-CP đang có hiệu lực pháp luật, nên người bị kiện áp dụng văn bản này là có căn cứ. Do đó, nội dung kháng cáo của ông T không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Ông T kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Huy T sinh năm 1956 nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015,

I. Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Huy T; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 15/2021/HC-ST ngày 13-4-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 6, Điều 38, Điều 52, Điều 54, Điều 58, Điều 65, Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính; điểm a khoản 5, khoản 11 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP ngày 27-11-2017 của Chính phủ; điểm c khoản 4, khoản 5, khoản 1 Điều 14 Nghị định 91/2014/NĐ-CP; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy T về việc yêu cầu:



- Hủy Quyết định số 5555/QĐ-KPHQ ngày 03-11-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V

- Hủy Quyết định số 1420/QĐ-CCXP ngày 05-3 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Huy T được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy Vũ Nguyễn Văn Khương**

**Trần Văn Mười**